

Bản án số: 11/2023/KDTM-PT

Ngày: 12/9/2023

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – V

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Châu.

**Các Thẩm phán:** Bà Nguyễn Thị Quang.

Ông Đặng Đức Hòa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thùy Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – V.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – V:** Ông Vũ Duyên Trường – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – V xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2023/TLPT-KDTM ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần N; Địa chỉ: Phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Phạm Quang D – Chủ tịch HĐQT (vắng mặt);

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Nguyễn Văn L – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Thành phố H (vắng mặt);

**Ông Nguyễn Văn L ủy quyền lại cho:**

- Ông Châu Bùi Thanh T, sinh năm 1983. Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng Doanh nghiệp 2 (vắng mặt);

- Ông Phạm Khắc H, sinh năm 1965. Chức vụ: Phó trưởng phòng khách hàng Doanh nghiệp 2 (có mặt).

2. **Bị đơn:** Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B – V; Địa chỉ: Phường 12, thành phố V, tỉnh B – V.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Ngọc D1 – Chức danh: Giám đốc, Tổng Giám đốc (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Trọng H; Địa chỉ: Phường C, Quận M, Thành phố M (vắng mặt);

3.2. Bà Nguyễn Thanh T; Địa chỉ: Phường H, quận B, Thành phố M (vắng mặt);

*Người đại diện theo ủy quyền của ông H và bà T:* Ông Lê Bá T1, sinh năm 1970; Địa chỉ: Phường C, thành phố V, tỉnh B-V. (vắng mặt).

3.3. Công ty TNHH Thương mại H; Địa chỉ: Phường B, quận P, Thành phố M.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Đức D2 (vắng mặt).

3.4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V; Địa chỉ: phường B, Quận M, Thành phố M.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Hữu T2 – Giám đốc (vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

5. *Người kháng nghị.* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tại Quyết định kháng nghị số 04/QĐ-VKS-KDTM ngày 15/3/2023.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N trình bày:*

Ngày 02/7/2009, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B – V (sau đây gọi là Công ty Tra) có Nghị quyết chấp thuận cho Chi nhánh 1 Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B – V (sau đây gọi là Chi nhánh 1) lập Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ gửi Ngân hàng Thương mại Cổ phần N – Chi nhánh Thành phố M đề nghị vay số tiền 35 tỷ đồng cho nhu cầu vốn lưu động.

Ngày 08/7/2009, Ngân hàng và Chi nhánh 1 ký kết Hợp đồng tín dụng số 0198/KH/09NH và Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/CV-0198/KH/09NH ngày 10/8/2012 với chi tiết như sau: Hạn mức tối đa là 35.000.000.000 đồng, thời hạn rút vốn là 12 tháng, lãi suất áp dụng tùy theo thời điểm rút vốn, thời hạn vay 06 tháng tính từ ngày rút vốn thực tế.

Sau khi ký hợp đồng thì Chi nhánh 1 rút vốn theo Giấy nhận nợ và đã thanh toán được một số Giấy nhận nợ. Sau đó, Chi nhánh 1 không tiếp tục thanh toán nên Chi nhánh 1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Để đảm bảo các khoản nợ vay, Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B – V đã ký Hợp đồng thế chấp nhiều tài sản. Trong đó, ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thanh T đã ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số N252473 do UBND Thành phố M cấp ngày 01/02/1999 vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00085/1B QSDĐ/342/UB tại thửa đất số 83<sup>-395</sup>, Tờ bản đồ số 1 xã P (phường T), Quận B, Thành phố M để bảo đảm các khoản nợ vay của Công ty Tra. Mức đảm bảo tối đa là 9.120.000.000 đồng (Điều 1 Hợp đồng thế chấp). Trong trường hợp Công

ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B – V không trả nợ cho Ngân hàng TMCP N thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ tối đa không quá 9.120.000.000đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần N yêu cầu Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B – V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 26/02/2023 là 26.957.723.213đồng (Hai mươi sáu tỷ, chín trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi ba ngàn, hai trăm mười ba đồng); trong đó số tiền nợ gốc là 11.228.493.726 đồng, nợ lãi là 10.732.842.082 đồng, nợ lãi phạt là 4.996.387.406 đồng và số tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 27/02/2023 cho đến khi Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B – V thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng TMCP N.

Trường hợp Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B – V không trả nợ hoặc trả nợ không đúng, không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP N số tiền nợ vay trên thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N252473 do UBND Thành phố M cấp ngày 01/02/1999 đối với thửa đất số 83<sup>395</sup>, Tờ bản đồ số 1 xã P (phường T), Quận B, Thành phố M thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thanh T để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP N.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản bảo đảm nêu trên không thanh toán hết nợ bao gồm nợ gốc, nợ lãi và nợ lãi phạt còn lại của Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B – V tại Ngân hàng TMCP N thì Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B – V vẫn phải tiếp tục trả nợ cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP N. Đồng thời, Ngân hàng TMCP N có quyền tiếp tục yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B – V để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP N.

Ngân hàng TMCP N được quyền thu nợ từ số tiền Công ty TNHH Thương mại H thực hiện thi hành theo Bản án số 73/2011/KDTM-ST ngày 30/09/2011 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố M cho Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B – V đến khi hết nợ.

Ngân hàng TMCP N được quyền thu hồi khoản tạm ứng số tiền 8.480.998 đồng (Tám triệu, bốn trăm tám mươi ngàn, chín trăm chín mươi tám đồng) khi xử lý phát mãi tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất số N252473 do UBND Thành phố M cấp ngày 01/02/1999 vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00085/1B QSDĐ/342/UB tại thửa đất số 83<sup>395</sup>, Tờ bản đồ số 1 xã P (phường T), Quận B, Thành phố M.

*2. Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B – V do ông Lê Ngọc D1 đại diện theo pháp luật trình bày:*

Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B – V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N vì chưa có đầy đủ chứng cứ để chứng minh khoản nợ. Ngoài ra, phía Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B – V không có yêu cầu, ý kiến gì.

*3. Ý kiến của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Tại Đơn yêu cầu ngày 20/9/2019, ông Lê Bá T1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Trọng H, bà Nguyễn Thanh T trình bày:

Ông T1 yêu cầu nguyên đơn làm rõ mối quan hệ giữa ông H, bà T với Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B – V; Hồ sơ đối chiếu xác nhận công nợ; Liệt kê tài sản thế chấp, xử lý tài sản thế chấp; Tòa án cung cấp Hồ sơ thẩm định tại chỗ.

3.2. Công ty TNHH Thương mại H không đến tòa nên không ghi được ý kiến.

3.3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V không đến tòa nên không ghi được ý kiến.

4. Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V đã tuyên như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đối với Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V.

- Buộc Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số nợ gốc là 11.228.493.726 đồng (mười một tỷ hai trăm hai mươi tám triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng), trả số nợ lãi là 11.152.908.333 đồng (mười một tỷ một trăm năm mươi hai triệu chín trăm lẻ tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 27 tháng 02 năm 2023 cho đến khi thanh toán hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0198/KH/09NH và Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/CV-0198/KH/09NH ngày 10/8/2012 đã được ký kết.

- Trong trường hợp Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V không trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất số N252473 do UBND Thành phố M cấp ngày 01/02/1999 vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00085/1B QSDĐ/342/UB tại thửa đất số 83<sup>-395</sup>, tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại xã P, phường T, Quận B, Thành phố M đứng tên ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thanh T để thu hồi số nợ tối đa không quá 9.120.000.000 đồng (chín tỷ một trăm hai mươi triệu đồng).

- Trong trường hợp Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V không trả hoặc không trả đủ nợ thì Ngân hàng TMCP N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thu hồi tiền của Công ty TNHH Thương mại H phải thi hành Bản án số 73/2011/KDTM-ST ngày 30/9/2011 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố M cho Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V để thanh toán cho Ngân hàng TMCP N tương ứng với số nợ còn thiếu.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo.

5. Ngày 15/3/2023, Tòa án nhân dân thành phố V nhận được đơn kháng cáo của Ngân hàng TMCP N đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V theo hướng: Chấp nhận yêu cầu tính lãi từ ngày 25/6/2015 đến ngày 23/5/2019 với số tiền 4.576.321.115 đồng. Chấp nhận cho Ngân hàng TMCP N có

quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 252473 do UBND Thành phố M cấp ngày 01/02/1999 đối với thửa đất 83<sup>-395</sup>, Tờ bản đồ số 01 xã P, phường T, Quận B, Thành phố M để thu hồi nợ.

6. Quyết định kháng nghị số 04/QĐ-VKS-KDTM ngày 15/3/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố V yêu cầu: Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V theo hướng: Xác định lại tư cách tham gia tố tụng của Chi nhánh 1 – Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP N về yêu cầu tính lãi từ ngày 25/6/2015 đến ngày 23/5/2019 với số tiền 4.576.321.115 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ và không thỏa thuận được với nhau về vấn đề tranh chấp.

#### *7. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B – V:*

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng TMCP N; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố V theo hướng: Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V theo hướng: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP N về yêu cầu tính lãi đối với Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V từ ngày 25/6/2015 đến ngày 23/5/2019 với số tiền 4.576.321.115 đồng. Xác định chi nhánh 1 Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;*

#### **Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

[1]. Đơn kháng cáo của Ngân hàng TMCP N nộp trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Ngân hàng TMCP N đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ.

[2]. Ngân hàng TMCP N khởi kiện Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V để yêu cầu thanh toán nợ vay. Quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V có trụ sở tại thành phố V; hợp đồng vay tiền được ký kết và thực hiện tại thành phố V nên Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V cho rằng Chi nhánh 1 - Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V là đơn vị phụ thuộc không có tư cách pháp nhân theo quy định tại Điều 45 của Luật Doanh nghiệp và Điều 74 của Bộ luật dân sự là đúng. Tuy nhiên, ngày 02/7/2009, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V có Nghị quyết chấp thuận cho Chi nhánh 1 - Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V lập Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ gửi Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đề nghị vay số tiền 35.000.000.000 đồng. Chi nhánh 1 - Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V được Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V ủy quyền vay vốn, trả nợ và Chi nhánh 1 - Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V đã thực hiện việc vay vốn, trả tiền lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Chi nhánh 1 - Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, không chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố V về việc không chấp nhận Chi nhánh 1 - Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[4]. Ông Phạm Quang D là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP N vắng mặt nhưng ông D đã ủy quyền cho ông Nguyễn Văn L và ông L vắng mặt; Ông L ủy quyền lại cho ông Châu Bùi Thanh T hoặc ông Phạm Khắc H và ông H có mặt, ông T vắng mặt. Ông Lê Ngọc D1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V, ông Nguyễn Trọng H, bà Nguyễn Thanh T, ông Lê Bá T, ông Nguyễn Đức D2 là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH thương mại H, ông Phạm Hữu T là người đại diện theo pháp luật của Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Như vậy, phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt ông Phạm Quang D, ông L, ông T, ông Lê Ngọc D1, ông H, bà T, ông T, ông Nguyễn Đức D2, ông T là đúng quy định tại Điều 228, Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

### **Về nội dung:**

[5]. Ngày 02/7/2009, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V sau đây gọi là Công ty Tra có Nghị quyết chấp thuận cho Chi nhánh 1 - Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V (sau đây gọi tắt là Chi nhánh 1) lập Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ gửi Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đề nghị vay số tiền 35.000.000.000 đồng cho nhu cầu vốn lưu động.

Ngày 08/7/2009, Ngân hàng N và Chi nhánh 1 ký kết Hợp đồng tín dụng số 0198/KH/09NH và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 04/CV-0198/KH/09NH ngày 10/8/2012 với chi tiết như sau: Hạn mức tối đa là 35.000.000.000 đồng, thời hạn rút vốn là 12 tháng, lãi suất áp dụng tùy theo thời điểm rút vốn, thời hạn vay 06 tháng tính từ ngày rút vốn thực tế.

Sau khi ký hợp đồng thì Chi nhánh 1 rút vốn theo Giấy nhận nợ và đã thanh toán được một số Giấy nhận nợ.

Tại Biên bản làm việc ngày 15/11/2013 giữa bên cho vay và bên vay (BL162), xác nhận số nợ tính đến ngày 06/11/2013 thì: Nợ gốc là 11.536.850.000 đồng và nợ

lãi là 1.029.079.986 đồng và hai bên cũng đã thỏa thuận phương án trả nợ. Sau đó, Chi nhánh 1 không tiếp tục thanh toán nợ theo cam kết.

Theo Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 6,7, 9 và Điều 10 của Hợp đồng cho vay theo hạn mức mà hai bên đã ký kết, trong đó, hai bên đã thỏa thuận về thời hạn thanh toán nợ, mức lãi suất cũng như lãi phạt nếu vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Nay, Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V đã vi phạm thời hạn trả nợ theo hợp đồng nên Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V trả nợ gốc 11.228.493.726 đồng; nợ lãi trong hạn 10.732.842.082 đồng, nợ lãi phạt là 4.996.387.406 đồng; Tổng cộng nợ gốc và lãi là 26.957.723.213 đồng tính đến hết ngày 26/02/2023 và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết tính từ ngày 27/02/2023 cho đến khi Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng TMCP N.

Ngày 25/6/2015, Ngân hàng TMCP N (bên nhận thế chấp) và ông Nguyễn Trọng H, bà Nguyễn Thanh T (bên thế chấp) đã làm việc và có Biên bản làm việc cùng ngày (BL99). Theo đó, ông Nguyễn Trọng H, bà Nguyễn Thanh T đồng ý giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để bán đấu giá thanh toán công nợ.

Tuy nhiên, phía Ngân hàng TMCP N là bên đang nắm giữ tài sản thế chấp đã không chủ động, tích cực làm thủ tục bán đấu giá để thu hồi nợ. Đến ngày 23/5/2018 thì phía Ngân hàng TMCP N mới làm thủ tục thu giữ tài sản bảo đảm thì bị ông Lê Bá T (là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Trọng H, bà Nguyễn Thanh T) cản trở. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng Ngân hàng N chậm trễ xử lý tài sản thế chấp từ ngày 25/6/2015 đến ngày 23/5/2018 do lỗi của Ngân hàng N để không tính lãi cho Ngân hàng N là không hợp lý bởi vì: Hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng N và Chi nhánh 1 không có quy định việc bên thế chấp giao tài sản cho bên nhận thế chấp để bán thì từ thời điểm giao tài sản là được khấu trừ nợ cho bên thế chấp. Việc khấu trừ nợ chỉ được thực hiện khi định giá tài sản thế chấp và bên thế chấp đồng ý giá tài sản thế chấp theo giá định giá đồng thời giao luôn tài sản cho bên nhận thế chấp để khấu trừ nợ vay nhưng phải được bên nhận thế chấp đồng ý. Trường hợp này bên thế chấp giao tài sản cho bên nhận thế chấp để bán đấu giá thì khi nào bán đấu giá hoàn thành thì mới trừ vào nợ vay. Tài sản thế chấp định giá là 4.576.321.000 đồng và hiện nay bên thế chấp không cho bên nhận thế chấp bán để thu hồi nợ. Vì vậy, chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng N. Chấp nhận cho Ngân hàng N được tính lãi đối với Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V luôn cả khoảng thời gian từ ngày 25/6/2015 đến ngày 23/5/2018.

Như vậy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N. Buộc Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V phải trả cho Ngân hàng TMCP N 26.957.723.213 đồng; trong đó: Nợ gốc 11.228.493.726 đồng; nợ lãi trong hạn 10.732.842.082 đồng, nợ lãi phạt là 4.996.387.406 đồng. Đồng thời Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V phải trả cho Ngân hàng TMCP N lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết tính từ ngày 27/02/2023 cho đến khi Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng TMCP N.

[6]. Xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo các khoản nợ vay, Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V đã ký Hợp đồng thế chấp nhiều tài sản. Trong đó, ông Nguyễn Trọng H, bà Nguyễn Thanh T đã ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số N252473 do UBND Thành phố M cấp ngày 01/02/1999 vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00085/1B QSDĐ/342/UB tại thửa đất số 83<sup>-395</sup>, Tờ bản đồ số 1 xã P (phường T), Quận B, Thành phố M để bảo đảm các khoản nợ vay của Công ty Tra. Mức đảm bảo tối đa là 9.120.000.000 đồng (Điều 1 Hợp đồng thế chấp). Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất có đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền nên hợp pháp.

Việc Ngân hàng TMCP N kháng cáo yêu cầu được nhận toàn bộ số tiền phát mãi tài sản thế chấp này nếu khi phát mãi mà giá trị cao hơn 9.120.000.000 đồng vì: Tại Điều 7 của Hợp đồng về trình tự thanh toán có quy định tại điểm 7.3.1 khoản 7.3 ... *“nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản vẫn còn thì ngân hàng được tiếp tục thu nợ với bất kỳ khoản vay đến hạn, được coi là đến hạn, quá hạn khác (nếu có) của khách hàng tại ngân hàng ngoài nghĩa vụ được bảo đảm”*. Xét yêu cầu kháng cáo này của Ngân hàng TMCP N thì thấy: điểm 7.3.1, khoản 7.3 Điều 7 của hợp đồng thế chấp chỉ áp dụng đối với trường hợp tài sản thế chấp là của người vay, Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V. Còn ông H, bà T thế chấp để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V và đã xác định rõ tại đoạn 1, khoản 1.2 Điều 1 của hợp đồng thế chấp: *“Tất cả các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa khách hàng với ngân hàng bao gồm Hợp đồng tín dụng số 0198/KH/09NH ngày 08/7/2009 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung (nếu có) với mức đảm bảo tối đa 9.120.000.000 đồng”*. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của Ngân hàng TMCP N.

Trong trường hợp, Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V không trả nợ cho Ngân hàng TMCP N thì căn cứ các Điều 1, 5, 6 của Hợp đồng thế chấp, Điều 342 Bộ luật dân sự; Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ tối đa không quá 9.120.000.000 đồng, số tiền còn dư (nếu có) thì trả lại cho ông H, bà T.

[7]. Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP N thay Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V đòi nợ đối với Công ty TNHH Thương mại H.

Theo Bản án số 73/2011/KDTM-ST ngày 30/9/2011 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố M đã có hiệu lực pháp luật thì Công ty TNHH Thương mại H phải thi hành nghĩa vụ trả số tiền 24.369.982.186 đồng cho Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V.

Theo Công văn số 925/CCTHADS ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, Thành phố M thì ngày 15/12/2011, Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V đã có Đơn yêu cầu Thi hành án đối với Bản án số 73/2011/KDTM-ST ngày 30/9/2011 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố M. Chi cục Thi hành án dân sự quận P, Thành phố M đã ra Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 59/QĐ-CCTHA ngày 19/12/2011. Ngày 18/9/2012, Chi cục Thi hành án dân sự quận P, Thành phố M đã ra Quyết định trả đơn yêu cầu thi hành án đối với Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V. Đến nay Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V vẫn chưa liên hệ yêu cầu Thi hành án trở lại.



Cho thấy, Công ty TNHH Thương mại H vẫn còn phải thi hành nghĩa vụ trả số tiền 24.369.982.186 đồng cho Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V. Tại Biên bản làm việc ngày 15/11/2013, giữa Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V và Ngân hàng TMCP N có thỏa thuận: Khoản công nợ thu được từ Công ty TNHH Thương mại H theo Bản án số 73/2011/KDTM-ST ngày 30/9/2011 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố M thì 50% sẽ trả nợ cho Ngân hàng N, còn 50% thì Chi nhánh 1 sẽ thanh toán cho Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V. Căn cứ Điều 365 Bộ Luật dân sự thì phía Ngân hàng được thực hiện đòi nợ đối với số nợ của Công ty TNHH Thương mại H phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Thương mại và Đại lý Dầu tỉnh Bà Rịa-V.

Do đó, trong trường hợp Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V không trả hoặc không trả đủ nợ thì Ngân hàng TMCP N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án thu hồi số tiền của Công ty TNHH Thương mại H phải thi hành Bản án số 73/2011/KDTM-ST ngày 30/9/2011 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố M cho Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V để thanh toán cho Ngân hàng TMCP N tương ứng với số nợ còn thiếu.

[8]. Từ những phân tích, nhận định trên và theo đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố V; chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng TMCP N. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V.

[9]. Chi phí thẩm định tại chỗ: Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V chịu 7.050.000 đồng nhưng Ngân hàng TMCP N đã nộp 7.050.000 đồng nên Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V phải nộp 7.050.000 đồng để hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N.

[10]. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N được chấp nhận nên Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với số tiền mà Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP N 26.957.723.213 đồng. Án phí được tính như sau: 112.000.000đồng + (22.957.723.213đồng x 0,1%) = 134.957.723 đồng.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng N được chấp nhận nên Ngân hàng N không phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 30, 35, 40, 68, 228, 296; khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng; Các Điều 342, 365 của Bộ luật dân sự; các Điều 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố V. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đối với Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

1. Xử buộc Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền 26.957.723.213 đồng (Hai mươi sáu tỷ, chín trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi ba ngàn, hai trăm mười ba đồng); trong đó: Nợ gốc 11.228.493.726 đồng; nợ lãi trong hạn 10.732.842.082 đồng, nợ lãi phạt là 4.996.387.406 đồng. Đồng thời Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết số 0198/KH/09NH ngày 08/7/2009 và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 04/CV-0198/KH/09NH ngày 10/8/2012 tính từ ngày 27/02/2023 cho đến khi Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

2. Trong trường hợp Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V không trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N252473 do UBND Thành phố M cấp ngày 01/02/1999 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00085/1B QSDĐ/342/UB tại thửa đất số 83<sup>395</sup>, Tờ bản đồ số 1 xã P (phường T), Quận B, Thành phố M đứng tên ông Nguyễn Trọng H để thu hồi số nợ tối đa không quá 9.120.000.000 đồng (Chín tỷ một trăm hai mươi triệu đồng).

3. Trong trường hợp Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V không trả hoặc không trả đủ nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thu hồi tiền của Công ty TNHH Thương mại H phải thi hành Bản án số 73/2011/KDTM-ST ngày 30/9/2011 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố M cho Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V để thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N tương ứng với số nợ còn thiếu.

4. Chi phí thẩm định tại chỗ: Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V phải nộp 7.050.000 đồng (Bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) để hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

5. Về án phí:

5.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần Thương mại D tỉnh B-V phải nộp số tiền 134.957.723 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, bảy trăm hai mươi ba đồng).

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần N không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 64.500.000 đồng (Sáu

mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0007111 ngày 28/5/2019 và số tiền 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0008173 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

5.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N được chấp nhận một phần nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu số 0003971 ngày 15/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (12/9/2023).

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS nhân dân tỉnh B – V;
- VKS nhân dân thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- TAND thành phố V;
- Tổ HC-TP (VP);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Minh Châu**